

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;  
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét đề nghị của Công ty TNHH dệt may YueXin tại Văn bản số 19.01/GPMT2026/YUX ngày 19 tháng 01 năm 2026, Văn bản số 02/CVGT-GPMT ngày 25 năm 3 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 4056/TTr-SNN&MT ngày 31 tháng 3 năm 2026.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Dệt may YueXin, địa chỉ: Lô A10, Cụm công nghiệp Gia Thuận 1, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Công ty TNHH dệt may YueXin có địa chỉ: Lô A10, Cụm công nghiệp Gia Thuận 1, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

- Tên dự án đầu tư: Công ty TNHH dệt may YueXin.
- Địa điểm hoạt động: lô A10, Cụm công nghiệp Gia Thuận 1, xã Gia Thuận, tỉnh Đồng Tháp.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 1201698844 đăng ký lần đầu ngày

14/5/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh của Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang cấp.

d) Mã số thuế: 1201698844.

đ) Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất tất (vớ) các loại (VSIC: 1430).

e) Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Diện tích đất sử dụng: 12.000 m<sup>2</sup> - Đất cụm công nghiệp.

- Nhóm dự án: dự án thuộc nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất: 30.000.000 đôi tất (vớ)/năm.

- Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất: sợi dệt → dệt → may đầu vớ/may phụ kiện → cắt chỉ thừa → lộn vớ và kiểm tra → in, thêu/in, keo → định hình vớ → kiểm tra → đóng gói, lưu kho.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường**

a) Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

b) Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

c) Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

d) Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

đ) Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Dệt may YueXin

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Dệt may YueXin có trách nhiệm:

a) Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

b) Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường

này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

d) Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

đ) Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành.

**Điều 4.** Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Tháp tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. / *mun*

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Công Thương;
- Công an tỉnh;
- UBND xã Gia Thuận;
- Cty CP Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang;
- Công ty TNHH Dệt may YueXin;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Công Thông tin điện tử tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: VT, Nguyên.

**KT. CHỦ TỊCH** *moce*  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

  
**Nguyễn Thành Diệu**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,**  
**XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 121 /GPMT-UBND  
ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

- Nước thải sau xử lý được đưa nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Gia Thuận 1; không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

- Công ty TNHH Dệt may Yuexin đã ký hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (theo hợp đồng số 03/XLNT.GT1.TICCO ngày 19/3/2026).

**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt của công nhân viên với lưu lượng tối đa 24 m<sup>3</sup>/ ngày đêm.

- Nguồn số 02: nước thải phát sinh từ hoạt động xả cặn lò hơi, lưu lượng tối đa 0,01 m<sup>3</sup>/ ngày đêm.

- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ công đoạn định hình vớ, lưu lượng tối đa 1,0 m<sup>3</sup>/ ngày đêm.

- Nguồn số 04: nước thải phát sinh từ hoạt động xả cặn hệ thống xử lý khí thải lò hơi, lưu lượng tối đa 0,1 m<sup>3</sup>/ ngày đêm.

Tổng lượng nước thải phát sinh: 25,11 m<sup>3</sup>/ngày đêm

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

- Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Gia Thuận 1.

- Vị trí xả nước thải: 01 điểm đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Trạm xử lý nước thải thuộc Cụm công nghiệp Gia Thuận 1 tại hố ga HG-T10 dọc tuyến đường số 2; tọa độ vị trí đầu nối: X = 1155350, Y = 690650 (Theo tọa độ VN2000 kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°).

- Lưu lượng đầu nối nước thải lớn nhất: 25,11 m<sup>3</sup>/ngày đêm tương đương 1,05m<sup>3</sup>/giờ.

- Phương thức xả nước thải: tự chảy.

- Chế độ xả thải: liên tục (24 giờ).

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Gia Thuận 1: đạt tiêu chuẩn nước thải đầu ra

của các nhà máy trong Cụm công nghiệp Gia Thuận 1 kèm theo Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải tại Cụm công nghiệp Gia Thuận 1 giữa Công ty TNHH Dệt may Yuexin và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang (theo hợp đồng số 03/XLNT.GT1.TICCO ngày 19/3/2026).

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

a) Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01 → bể tự hoại 5 ngăn → hố ga đầu nối nước thải vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Gia Thuận 1 dọc tuyến đường số 2.

- Nguồn số 02 → bể lắng 03 ngăn → hố ga đầu nối nước thải vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Gia Thuận 1 dọc tuyến đường số 2.

- Nguồn số 03 → bể lắng 03 ngăn → hố ga đầu nối nước thải vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Gia Thuận 1 dọc tuyến đường số 2.

- Nguồn số 04 → bể lắng 03 ngăn → hố ga đầu nối nước thải vào Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Gia Thuận 1 dọc tuyến đường số 2.

b) Công trình, thiết bị xử lý sơ bộ nước thải

- Công trình xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt: 04 bể tự hoại 5 ngăn có tổng dung tích 70 m<sup>3</sup>.

- Công trình xử lý sơ bộ nước thải sản xuất: 01 bể lắng 03 ngăn có kích thước 1,6m x 6m x 3m.

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46, Điều 1 Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Điều 28 Nghị định số 48/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

d) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với bể tự hoại: thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

+ Bể tự hoại được thiết kế và xây dựng đúng tiêu chuẩn, đảm bảo chứa và xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh.

+ Khi tắc đường ống thoát khí bề tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

- Đối với đường ống cấp thoát nước:

+ Đường ống cấp, thoát nước có đường cách ly an toàn.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

+ Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống thoát nước.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm k và điểm l khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án tại mục A phụ lục này bảo đảm đáp ứng quy định về chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Gia Thuận 1.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Gia Thuận 1./.

**Phụ lục 2**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 121 /GPMT-UBND  
ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh khí thải**

Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 2,5 tấn/ giờ, sử dụng nhiên liệu viên nén gỗ (01 nguồn thải).

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**

a) Vị trí xả khí thải: ống xả thải sau hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò hơi, công suất 2,5 tấn/ giờ, sử dụng nhiên liệu viên nén gỗ. Tọa độ: X =1155443; Y= 690577 (theo tọa độ VN2000 kinh tuyến 105°, múi chiều 3°).

b) Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 5.760 m<sup>3</sup>/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống xả khí thải, xả liên tục khi hoạt động.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột C. Các chất ô nhiễm và giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải theo quy chuẩn như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Bụi	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 60		
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 400		
4	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 450		
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	≤ 450		

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

a) Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 2,5 tấn/ giờ, sử dụng nhiên liệu viên nén gỗ → hệ thống thu gom → hệ thống xử lý → ống thải (đường kính 450 mm, cao 23 m) → nguồn tiếp nhận.

b) Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 2,5 tấn/ giờ:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 2,5 tấn/giờ, sử dụng nhiên liệu viên nén gỗ → thiết bị Cyclone → quạt hút → tháp dập bụi màng nước → đạt QCVN 19:2024/BTNMT, cột C → ống xả khí thải → môi trường.

- Công suất thiết kế: 5.760 m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

c) Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo Điều 98 Nghị định số 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 47, Điều 1 Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

d) Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống thu gom khí thải đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho các thiết bị xử lý như quạt hút để thay thế khi có sự cố chưa kịp thời sửa chữa.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

a) Thời gian vận hành thử nghiệm: trong 06 tháng sau khi hoàn thành công trình xử lý khí thải. Dự kiến tháng 11 năm 2026 đến tháng 4 năm 2027.

b) Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 2,5 tấn/ giờ, sử dụng nhiên liệu viên nén gỗ.

- Vị trí lấy mẫu: theo vị trí xả khí thải tại phần A phụ lục này.

- Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: theo nội dung được cấp phép tại mục 2.2.2 phần A phụ lục này.

c) Tần suất lấy mẫu: thực hiện theo các quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Điều 14 Thông tư 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường;

- Đảm bảo các quy định kỹ thuật, quy định về vận hành, ứng phó sự cố và giám sát theo các quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột C.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

**Phụ lục 3**  
**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**  
**VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 121 /GPMT-UBND  
ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

a) Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của khu vực lò hơi
- Nguồn số 02: tiếng ồn, độ rung từ hoạt động của máy nén khí

b) Vị trí phát sinh:

- Nguồn số 01: X = 1155432; Y = 690651.
- Nguồn số 02: X = 1155327; Y = 690653.

(theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°).

**2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung như sau:**

a) Tiếng ồn:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn như sau:

TT	Khoảng thời gian và mức ồn tối đa cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 18h00)	Tối (từ 18h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	70	65	60	-	Khu vực E

b) Độ rung

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

TT	Khoảng thời gian và mức rung tối đa cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Khu vực bị ảnh hưởng
	Ngày (từ 06h00 đến trước 22h00)	Đêm (từ 22h00 đến trước 6h00)		
1	75	70	-	Khu vực C

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Đảm bảo độ cân bằng của máy móc, thiết bị trong quá trình lắp đặt và vận hành.

- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường xuyên bôi trơn máy móc hoặc thay thế các thiết bị hư hỏng.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su theo như thiết kế của các máy móc thiết bị để giảm rung, giảm ồn.

- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của các máy móc, thiết bị và hiệu chỉnh.

- Bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ.

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Các điểm tiếp xúc giữa máy móc và sàn đặt máy được kê đệm cao su để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu bôi trơn.

- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân làm việc với thiết bị, máy móc có cường độ ồn cao.

- Bố trí thời gian lao động thích hợp tại các khâu gây ồn, hạn chế tối đa số lượng công nhân có mặt tại nơi có độ ồn cao.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng và các máy móc của hệ thống xử lý nước thải tập trung để đảm bảo hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA**  
**VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 121 /GPMT-UBND  
ngày 03 tháng 4 năm 2026 Chủ tịch của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

a) Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Kí hiệu
1	Pin, ắc quy thải	10	Rắn	16 01 12	NH
2	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử	180	Rắn	16 01 13	NH
3	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	500	Lỏng	17 02 03	NH
4	Bao bì kim loại cứng thải	150	Rắn	18 01 02	KS
5	Bao bì nhựa cứng thải	400	Rắn	18 01 03	KS
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	700	Rắn	18 02 01	KS
7	Dầu mỡ, cặn lắng thải từ quá trình lắng tại bể lắng 03 ngăn	40	Rắn/lỏng	16 01 08	NH
<b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b>		<b>1.980</b>	-	-	-

b) Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Stt	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
1	Tro đáy, xỉ bụi từ lò hơi	79.872	04 01 04	TT
2	Hộp mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất như mực in văn vòng, sách báo)	20	08 02 06	TT
3	Bùn từ bể tự hoại và hệ thống thu gom nước mưa	7.488	12 06 13	TT
4	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	3.200	18 01 05	TT-R

Stt	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại
5	Giấy và bao bì chứa nguyên liệu	1.000	18 01 11	TT-R
6	Chất thải từ sợi dệt chưa qua xử lý (chỉ vụn, bụi và chỉ thừa từ máy dệt, đầu vải thừa)	20.000	-	-
7	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn CTNH (kim,..)	20	-	-
<b>Tổng</b>		<b>111.600</b>		

c) Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 150 kg/ngày.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

a) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí 08 thùng chứa chất thải nguy hại bằng nhựa PVC (có nắp đậy) dung tích 60 lít, 1 thùng 120 lít và các bao PP chống thấm để thu gom chất thải nguy hại phát sinh từ dự án.

- Diện tích kho lưu chứa: 20 m<sup>2</sup>

- Thiết kế, cấu tạo kho: có mái che, nền chống thấm, có biển báo, có gờ bao xung quanh.

- Chuyển giao xử lý: công ty sẽ hợp đồng thu gom, xử lý với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026.

b) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Thiết bị lưu chứa: bố trí 8 thùng chứa chất thải công nghiệp thông thường bằng nhựa PVC (có nắp đậy) dung tích 120 lít và các bao PP chống thấm để thu gom chất thải rắn thông thường phát sinh từ dự án.

- Kho lưu chứa: diện tích 20 m<sup>2</sup>, có mái che, nền chống thấm, có biển báo, có gờ bao xung quanh.

+ Chất thải không thể tái sử dụng: công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đúng quy định. Nếu lượng phát thải rác công nghiệp quá ít hoặc phát sinh rác công nghiệp có khả năng tái chế, bán phế liệu đơn vị sẽ tiến hành thu gom, lưu trữ; khi lượng rác đủ nhiều thì công ty sẽ làm hợp đồng thu gom ở năm sau đó.

+ Chất thải có thể tái chế: giấy, thùng carton, thùng chứa không dính thành phần nguy hại,... công ty sẽ tái sử dụng hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, tần suất thu gom 1 tháng/lần.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường sẽ được thu gom và xử lý theo đúng Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

c) Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Chất thải sinh hoạt phát sinh được thu gom vào các thùng rác bằng nhựa dung tích 20 - 120 lít, được bố trí tại các khu vực nhà văn phòng, nhà vệ sinh, xưởng sản xuất, kho chứa chất thải.

- Phương thức thu gom: hằng ngày thu gom và phân loại chất thải từ thùng nhỏ, tập kết các thùng chứa dung tích lớn (thùng 120 lít) và tập kết các thùng chứa dung tích lớn này tại khu vực tập kết rác trước cổng dự án để chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

- Phương thức xử lý: hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý đến thu gom, xử lý toàn bộ lượng chất thải sinh hoạt phát sinh với tần suất 01 đến 03 ngày/lần.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật hóa chất và các văn bản liên quan.

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, ứng cứu sự cố và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi bổ sung tại khoản 36 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định hiện hành và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này./.

## **Phụ lục 5**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 121 /GPMT-UBND  
ngày 03 tháng 4 năm 2026 Chủ tịch của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường.
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường.
4. Công khai Giấy phép môi trường theo quy định pháp luật, trừ các thông tin thuộc bí mật nhà nước, bí mật của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
5. Cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.
6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, an toàn sự cố, phòng cháy chữa cháy,.../.